

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 72 /2023/QĐST - HNGĐ

N, ngày 26 tháng 5 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự,
Căn cứ Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.
Căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2023 về việc các đương sự đã thực sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 404/2022/TLST – HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Tại phiên hòa giải các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Văn U, sinh năm: 1958.

Bị đơn: Bà Trần Thị Bích T, sinh năm: 1962.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện N, Ninh Thuận

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Phan Văn U, bà Trần Thị Bích T công nhận tài sản chung có 01 thửa đất số 164, tờ bản đồ số 35, diện tích 1.361m² mang số CU 67430 do sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 20-7-2020 gắn liền tài sản trên đất, trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phan Văn U. Hiện nay đã tách thành 3 thửa gồm thửa 1087 diện tích 285m² theo đo vẽ chỉnh lý bản đồ địa chính số 1612, ngày 03-9-2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận, chi nhánh huyện N gắn liền căn nhà cấp 4 hiện ông U đang sử dụng, sở hữu; thửa 1088 diện tích 278m² theo đo vẽ chỉnh lý bản đồ địa chính số 1613 ngày 03-9-2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận, chi nhánh huyện N gắn liền căn nhà cấp 4 hiện bà T đang sử dụng, sở hữu; thửa 1089 diện tích 798m² theo đo vẽ chỉnh lý bản đồ địa

chính số 1614 ngày 03-9-2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận, chi nhánh huyện N gắn liền cây trồng trên đất hiện bà T đang sử dụng.

Ông Phan Văn U, bà Trần Thị Bích T đồng ý tự nguyện thỏa thuận chia như sau:

Chia cho ông Phan Văn U được quyền sử dụng thửa 1087, diện tích 285m² theo đo vẽ chỉnh lý bản đồ địa chính số 1612, ngày 03-9-2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận, chi nhánh huyện N trị giá 18.810.000 đồng gắn liền căn nhà cấp 4 (không tính giá trị nhà, do các bên đương sự không yêu cầu định giá căn nhà) hiện ông U đang sử dụng, sở hữu.

Chia cho bà Trần Thị Bích T được quyền sử dụng thửa 1088 diện tích 278m² theo đo vẽ chỉnh lý bản đồ địa chính số 1613, ngày 03-9-2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận, chi nhánh huyện N trị giá 18.348.000 đồng gắn liền căn nhà cấp 4 (không tính giá trị nhà, do các bên đương sự không yêu cầu định giá căn nhà) hiện bà T đang sử dụng, sở hữu và thửa 1089 diện tích 798m² theo đo vẽ chỉnh lý bản đồ địa chính số 1614, ngày 03-9-2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận, chi nhánh huyện N trị giá 52.668.000 đồng gắn liền cây trồng trên đất (không tính giá trị cây trồng, do các bên đương sự không yêu cầu định giá cây trồng) hiện bà T đang sử dụng.

Ông Phan Văn U được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đối với thửa đất bà được chia theo bản đồ vẽ chỉnh lý bản đồ địa chính số 1612 ngày 03-9-2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận, chi nhánh huyện N.

Ông Phan Văn U có trách nhiệm giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) mang số CU 67430 do sở tài nguyên và môi trường cấp 20-7-2020 mang tên Phan Văn U để bà Trần Thị Bích T làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Trường hợp bên đồng ý chia đất ông Phan Văn U không thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận thì bà Trần Thị Bích T được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đối với thửa đất bà được chia theo các bản đồ vẽ chỉnh lý bản đồ địa chính số 1613, 1614, ngày 03-9-2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận, chi nhánh huyện N.(kèm theo bản đồ vẽ chỉnh lý bản đồ địa chính số 1612, 1613, 1614, ngày 03-9-2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận, chi nhánh huyện N).

Về chi phí định giá: Ông Phan Văn U tự nguyện chịu 2.650.000 đồng chi phí định giá. Ông Phan Văn U đã nộp đủ.

Về án phí: ông Phan Văn U, bà Trần Thị Bích T là người cao tuổi có đơn xác nhận người cao tuổi, có đơn xin miễn giảm tiền tạm ứng án phí, tiền án phí; căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì ông U, bà T được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Phan Văn U 3.400.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002859, ngày 6-12-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

3. Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu.

Thẩm Phán

Đoàn Sứ

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

Số: /2015/QĐST - HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

N, ngày 26 tháng 01 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 187 và Điều 188 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 50 Luật hôn nhân và Gia đình 2015;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2015 về việc các đương sự đã thực sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2015/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2015.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2015 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Mai Xuân Quý với bà Phan Thị Gia Linh

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Mai Xuân Quý, sinh năm: 1991.

Trú tại: Khu phố 1, phường Bảo An, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, Ninh Thuận

Bị đơn: Bà Phan Thị Gia Linh, sinh năm: 1991.

Trú tại: Thôn Ninh Quý 3, xã P, huyện N, Ninh Thuận

3. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Xuân Quý với bà Phan Thị Gia Linh tự nguyện đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông Mai Xuân Quý với bà Phan Thị Gia Linh tự nguyện thỏa thuận giao con chung Mai Phan Nhã Uyên, sinh ngày 21/04/2014 cho bà Phan Thị Gia Linh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Ông Mai Xuân Quý không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không bên nào ngăn cản việc gặp gỡ, chăm sóc con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ, chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Mai Xuân Quý tự nguyện chịu 100.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000đ mà ông Quý đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007006, ngày 16/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Hoàn trả lại cho ông Quý 100.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND phường Bảo An, TP. PR-TC
- Các đương sự;
- Lưu.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N
Thẩm phán

Đoàn Sứ

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /2015/QĐST - HNGĐ

N, ngày 23 tháng 01 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 187 và Điều 188 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 50 Luật hôn nhân và Gia đình 2015;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2015 về việc các đương sự đã thực sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2015/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2015.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2015 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Diệp Thế T với bà Huỳnh Thị Thi.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Diệp Thế T, sinh năm: 1982.

Trú tại: Thôn An Thạnh 1, xã An Hải, huyện N, Ninh Thuận

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Thi, sinh năm: 1989.

Trú tại: Thôn An Thạnh 1, xã An Hải, huyện N, Ninh Thuận

3. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Diệp Thế T với bà Huỳnh Thị Thi tự nguyện đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông Diệp Thế T với bà Huỳnh Thị Thi tự nguyện thỏa thuận giao 02 con chung Diệp Thanh Thảo, sinh ngày 04/04/2009 và Diệp Thanh Dung, sinh ngày 21/08/2012 cho ông Diệp Thế T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Bà Huỳnh Thị Thi không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không bên nào ngăn cản việc gặp gỡ, chăm sóc con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ, chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Diệp Thế T tự nguyện chịu 100.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000đ mà ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007004, ngày 15/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Hoàn trả lại cho ông T 100.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã An Hải;
- Các đương sự;
- Lưu.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N
Thẩm phán

Đoàn Sứ